**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6**

| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ lục bát. | **4** | **0** | **4** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***20*** | ***5*** | ***20*** | ***15*** | ***0*** | ***20***  ***10*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **25%** | | **35%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |  |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

| **TT** | **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ lục bát | **Nhận biết:**  **-** Nêu được ấn tượng chung về văn bản.  - Nhận biết số tiếng, số dòng, vần, nhịp của bài thơ lục bát.  - Nhận ra từ đơn, từ phức (từ ghép và từ láy); các biện pháp tu từ ẩn dụ và hoán dụ.  **Thông hiểu:**  - Nêu được chủ đề của bài thơ, cảm xúc chủ đạo của nhân vật trữ tình trong bài thơ.  - Nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.  **Vận dụng**  - Trình bày được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử được gợi ra từ văn bản.  - Đánh giá được giá trị của các yếu tố vần, nhịp. | 4 TN | 4 TN | 2 TL |  |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **4 TN**  **1TL\*** | **4TN**  **1TL\*** | **2 TL**  **1TL\*** | **1 TL\*** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***25*** | ***35*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Môn Ngữ văn lớp 6**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc đoạn ngữ liệu sau:**

*Cả đời ra bể vào ngòi*  
*Mẹ như cây lá giữa trời gió rung*  
*Cả đời buộc bụng thắt lưng*  
*Mẹ như tằm nhả bỗng dưng tơ vàng*  
*Đường đời còn rộng thênh thang*  
*Mà tóc mẹ đã bạc sang trắng trời*

*Mẹ đau vẫn giữ tiếng cười*  
*Mẹ vui vẫn để một đời nhớ thương*  
*Bát cơm và nắng chan sương*  
*Đói no con mẹ xẻ nhường cho nhau*  
*Mẹ ra bới gió chân cầu*  
*Tìm câu hát đã từ lâu dập vùi…*

(Trích theo Đồng Đức Bốn*, Trở về với mẹ ta thôi*)

**Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 1**. Mỗi cặp câu trong đoạn thơ trên có mấy tiếng? (Nhận biết)

| 1. 6-8 | 1. 7-7 | 1. 6-6 | 1. 8-8 |
| --- | --- | --- | --- |

**Câu 2**. Cho biết thể thơ của đoạn ngữ liệu trên? (Nhận biết)

A. Song thất lục bát B. Tự do.

C. Lục bát D. Tám chữ

**Câu 3.** Chi tiết ***“****tóc mẹ đã bạc sang trắng trời”* thể hiện điều gì? (Thông hiểu)  
 A. Nỗi vất vả, nhọc nhằn của người mẹ.

B. Tình yêu thương của mẹ dành cho con.

C. Người con biết ơn mẹ.

D. Chỉ sự chắt chiu của người mẹ

**Câu 4**. Xác định *từ láy* có trong đoạn thơ trên? (Nhận biết)

A**.** thắt lưng.

B. thênh thang.

C. buộc bụng.

D. gió rung.

**Câu 5**. Chỉ ra các vần được gieo trong 2 câu thơ sau. (Nhận biết)

*“Cả đời ra bể vào ngòi*

*Mẹ như cây lá giữa trời gió rung”*

A. ra - lá

B. cả - ra

C. ngòi - gió

D. ngòi - trời

**Câu 6**. Chủ đề của đoạn thơ trên là gì? (Thông hiểu)

A. Niềm tự hào của người con đối với mẹ.

B. Người con rất thương yêu và biết ơn về những hy sinh của mẹ dành cho mình.

C. Niềm hạnh phúc của người mẹ.

D. Trách nhiệm của người mẹ đối với con.

**Câu 7**. Câu thơ *“Cả đời buộc bụng thắt lưng”,* cụm từ *“buộc bụng thắt lưng”*

sử dụng biện pháp tu từ gì? (Thông hiểu)

A. Hoán dụ.

B. Nhân hóa.

C. Ẩn dụ.

D. So sánh.

**Câu 8**. Hình ảnh người mẹ hiện lên như thế nào trong đoạn thơ trên? (Thông hiểu)

A. Hạnh phúc của người mẹ khi có con.

C. Người mẹ gần gũi, bình dị.

B. Người mẹ luôn chăm lo cho con chu đáo.

D. Tần tảo, chịu thương chịu khó hết lòng vì con, yêu thương con vô bờ bến.

**Câu 9**. Sau khi đọc đoạn thơ, em hãy đặt 01 câu bày tỏ tình cảm của em đối với mẹ/cha.

**Câu 10**. Đoạn thơ trên gợi cho em những suy nghĩ gì về mẹ (Không quá 5 dòng).

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Em hãy viết bài văn kể lại trải nghiệm thực của mình khi học trực tuyến trong đại dịch Covid-19 năm 2021.

------------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 6**

| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | A | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | B | 0,5 |
| **5** | D | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | C | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
|  | **9** | - Hình thức: viết câu đúng ngữ pháp.  - Nội dung: thể hiện được tình cảm yêu quý/biết ơn/ kính trọng,… | 1,0 |
|  | **10** | -  Mẹ là người phụ nữ tần tảo, chịu thương chịu khó hết lòng vì con.  - Tình yêu thương của mẹ dành cho con vô bờ bến và vô điều kiện.  - Biết ơn, trân trọng những hi sinh, yêu thương mà mẹ đã dành cho mình…… | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Kể lại trải nghiệm thực của mình khi học trực tuyến trong đại dịch Covid-19 năm 2021. | 0,25 |
|  | *c. Kể lại trải nghiệm đáng nhớ*  HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  - Sử dụng ngôi kể thứ nhất.  - Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ.  - Các sự kiện chính: bắt đầu – diễn biến – kết thúc.  - Ý nghĩa của trải nghiệm đối với bản thân em. | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. | 0,5 |

**HẾT**